

NGÀNH CHĂN NUÔI TIỀN GIANG TRONG XU HƯỚNG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. Bùi Thị Kim Dung
Phòng Khoa học - Hợp tác Quốc tế

TÓM TẮT

Tiền Giang nằm ở vùng kinh tế trọng điểm phía nam, là cửa ngõ của các tỉnh miền Tây về TP Hồ Chí Minh. Với vị trí địa lý thuận lợi này đã tạo lợi thế trong phát triển kinh tế của tỉnh trong đó có ngành nông nghiệp. Chăn nuôi Tiền Giang đã đạt nhiều thành tựu quan trọng từ sau năm 1975, góp phần vào sự ổn định và phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Trong xu thế hội nhập toàn cầu về AFTA và TTP, nhiều cơ hội sẽ mở ra cho ngành chăn nuôi Tiền Giang và cũng không ít thách thức phải đối mặt. Bài báo giới thiệu tóm tắt về những thành tựu đạt được của ngành chăn nuôi Tiền Giang, đồng thời phân tích những cơ hội và thách thức cũng như đưa ra một số giải pháp để ngành chăn nuôi Tiền Giang phát triển bền vững trong xu thế hội nhập sâu với thế giới.

SUMMARY

Tien Giang is located in the southern key economic region, being the gateway of the Western provinces to Ho Chi Minh City. Such crucial geographical position has brought it the advantages of economic development in which including the agriculture. The provincial Livestock industry has the acquired important achievements since 1975, contributing to the local stability and eco-social development. In the direction of global integration of AFTA and TTP with the world, Tien Giang's animal husbandry not only has a lot of opportunities to develop but also deal with quite more challenges. This article will summarize about the gained achievements, analyze the opportunities and challenges to the livestock sector, simultaneously point out some measurements for its sustainable development to deeply integrate with the world.

1. GIỚI THIỆU

Tiền Giang là tỉnh vừa thuộc vùng đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), vừa nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN), cách TP Hồ Chí Minh 70 km về hướng Nam và cách Thành phố Cần Thơ 90 km về hướng Bắc; nằm trải dài trên bờ Bắc sông Tiền với chiều dài trên 120 km. Về ranh giới hành chính, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Nam giáp tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền Giang cũng nằm trên các trục giao thông và kinh tế quan trọng như quốc lộ 1A,

quốc lộ 50, quốc lộ 60, quốc lộ 30, đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ, trong đó đoạn đến Trung Lương đã đưa vào hoạt động và đoạn từ Trung Lương đến Mỹ Thuận đang triển khai xây dựng nối TP Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam bộ với các tỉnh ĐBSCL.

Với vị thế địa lý quan trọng như vậy đã tạo cho Tiền Giang có vị thế có vị trí địa lý kinh tế - chính trị khá thuận lợi là một cửa ngõ của các tỉnh miền Tây về TP Hồ Chí Minh và vùng KTTĐPN và cũng là lợi thế trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong đó có ngành nông nghiệp và chăn nuôi. Trong xu thế hội nhập toàn cầu về AFTA và TTP, nhiều cơ hội

sẽ mở ra cho ngành chăn nuôi Tiền Giang và cũng không ít thách thức phải đối mặt. Bài viết sẽ đưa ra cái nhìn tổng quan về thành tựu phát triển chăn nuôi Tiền Giang suốt 40 năm qua cũng như đề cập đến những thuận lợi, thách thức và giải pháp phát triển bền vững trong tương lai.

2. THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI TIỀN GIANG

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước, Tiền Giang đã dồn sức vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế với muôn vàn khó khăn, vừa khắc phục hậu quả sau chiến tranh vừa cải tạo xã hội, tổ chức lại sản xuất, khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích, đưa khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và từng bước đã gạt hái được nhiều thành tựu và để lại dấu ấn trên các lĩnh vực sản xuất trong đó có ngành chăn nuôi.

Giai đoạn 1975 – 1985: Sau năm 1975, ngành chăn nuôi từng bước phát triển và trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp, nổi bật là việc chọn lọc và phát triển các giống heo địa phương (Thuộc Nhiêu, Ba Xuyên) và phát triển ngày càng mạnh heo lai kinh tế. Đến năm 1985, đàn gia súc, gia cầm của tỉnh đều tăng: đàn heo tăng bình quân 5,9 %/năm, đàn trâu tăng bình quân 1,78 %/năm; đàn bò tăng bình quân 9,47 %/năm và hơn 4,32 triệu con gia cầm.

Giai đoạn 1986 – 1995: Tỉnh xác định nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, tập trung đầu tư phát triển 3 chương trình kinh tế có mục tiêu của TW. Đàn heo đã tăng từ 209.050 con năm 1985 lên 365.838 con năm 1995 và đã xuất khẩu thịt heo sang Liên xô. Đàn gia cầm từ 4,3 triệu con năm 1985 giảm còn 2,8 triệu con năm 1990 và đạt 4,55 triệu con vào năm 1995. Đàn trâu bò giảm mạnh do tốc độ cơ giới hóa trong nông nghiệp tăng, đàn trâu từ 25.846 con (1985) còn 4.916 con (1995), đàn bò 33.382 con năm 1985 chỉ còn 8.492 con năm 1995.

Giai đoạn 1996 – 2005: Ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính sau trồng trọt. Ngành chăn nuôi đã chuyển sản xuất theo hướng trang trại, công nghiệp và sử dụng giống lai năng suất, chất lượng cao, phổ biến là heo lai 3 máu (Yorkshire x Landrace và Duroc), bò lai Sind, gia cầm chuyên trứng và thịt, ... Trong vòng 10 năm, đàn heo tăng bình quân 3,53 %/ năm đạt 517.795 con; đàn bò tăng bình quân 16,99 %/năm đạt 40.780 con, trong đó có 1.046 con bò sữa và đàn gia cầm giảm 1,09 %/năm còn 4,078 triệu con. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân 7,19 %/năm, đóng góp 11,9 % giá trị sản xuất toàn ngành. Đặc biệt trong giai đoạn này lãnh đạo tỉnh cùng các ban ngành liên quan đã xúc tiến thành lập Công ty Chăn nuôi Tiền Giang (1997). Đây là một doanh nghiệp nhà nước có chức năng sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi heo, bò, gà. Sản xuất con giống gia súc, gia cầm, tinh heo, cá giống, cá thịt, giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm phục vụ cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Hoạt động theo mô hình khép kín từ sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến thịt đông lạnh xuất khẩu. Có thể nói sự ra đời của Công ty chăn nuôi Tiền Giang là đòn bẩy cần thiết giúp ngành chăn nuôi trong tỉnh ổn định và phát triển liên tục.

Giai đoạn 2006 – 2010: Trong giai đoạn này tốc độ tăng trưởng của đàn heo đạt 1,34 %/năm, đàn bò tăng 12,25 %/năm và đàn gia cầm tăng 8,56 %/năm, giá trị sản xuất tăng 8,52 %/năm, đóng góp 13,6 % giá trị sản xuất toàn ngành. Đàn heo được nạc hoá với đàn heo nái chất lượng cao đạt 80 % tổng đàn nái của tỉnh. Mô hình xử lý chất thải bằng hầm Biogas phát triển mạnh, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa cung cấp chất đốt cho sinh hoạt và phân hữu cơ cho cây trồng. Đàn bò phát triển mạnh (12,25 %/năm) đây là giai đoạn cực thịnh và tập trung chủ yếu tại các huyện Chợ Gạo, Châu Thành và TP. Mỹ Tho. Bên cạnh đó, nhờ cải tạo giống bò địa phương theo hướng Zebu hoá bằng phương pháp gieo

ting nhân tạo nên chất lượng đàn bò được nâng lên và đã tạo đàn bò cái nền kiêm dụng chất lượng tốt và đáp ứng nhu cầu phát triển đàn bò theo hướng chuyên thịt và chuyên sữa.

Giai đoạn sau năm 2010, ngành chăn nuôi tiếp tục củng cố và phát triển theo chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2010 – 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020 được lãnh đạo tỉnh phê duyệt. Tính đến thời điểm tháng 01/2014, tổng số trại chăn nuôi hiện có là 306 – so với mặt bằng chung cả nước, Tiền Giang là một trong số những tỉnh có số lượng trại chăn nuôi khá, quy mô đàn: 554.700 con heo; 73.046 con bò; 6.871.648 con gia cầm. Về sản lượng thịt; heo: 25.985 tấn, gà: 4640 tấn, vịt: 3156 tấn, ngan, ngỗng: 67 tấn, chim cú và bồ câu: 47 tấn. Về sản lượng trứng; gà: 2.028.000 quả, vịt: 14.738.000 quả, ngan, ngỗng: 1.2.000 quả, cú: 4.186.000 quả.

Có thể nhận thấy cơ cấu sản xuất chăn nuôi của tỉnh trong những năm gần đây tương đối ổn định; năm 2006 chiếm 14,53% trong cơ cấu sản xuất nông lâm ngư nghiệp, đến năm 2010 chiếm 15,69%, năm 2011 chiếm 21,7%. Tốc độ tăng giai đoạn 2006 - 2010 là 8,41%. Đàn heo tăng bình quân 1,34%/năm, đàn bò tăng bình quân 12,25%/năm, đàn gia cầm 8,56%/năm. Do cải thiện chất lượng giống và áp dụng kỹ thuật mới nên sản lượng thịt hơi giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân 8,75%/năm. So với các loài vật nuôi khác thì đàn gia cầm có lợi thế vòng quay ngắn nên có điều kiện phục hồi tăng sản lượng nhanh và hiệu quả kinh tế cao. Nhìn chung đàn vật nuôi của tỉnh đều có xu hướng gia tăng qua các năm mặt dù dịch bệnh liên tục bùng phát và giá cả chăn nuôi không ổn định, điều này càng chứng tỏ thêm cho sự nỗ lực của Đảng bộ và các ngành liên quan trong việc duy trì và ổn định sự phát triển chăn nuôi của địa phương.

Bảng 1. Tốc độ gia tăng đàn vật nuôi từ năm 2000 – 2014

Loại gia súc, gia cầm	2000	2005	2010	2014
Trâu	870	566	351	338
Bò	11.029	40.780	72.681	78.371
Heo	429.077	517.795	553.410	595.231
Gia cầm	4.831.000	4.078.000	6.504.000	7.188.000

Kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến chỉ ra rằng, trong ngành chăn nuôi thì con giống, dinh dưỡng và quản lý/vệ sinh chuồng trại là những yếu tố quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của người nuôi. Những yếu tố này không thể tách rời và không phải tự nhiên mà có mà là cả một quá trình đầu tư, học tập, tích lũy kinh nghiệm và đào tạo huấn luyện một cách thường xuyên. Với yêu cầu đó Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tiền Giang là đơn vị tiên phong trong nhiều năm qua đã tổ chức hàng nghìn buổi tập huấn, hội thảo cho các hộ nông dân; trong đó chú trọng đến những mô hình sản xuất, chăn nuôi an toàn sinh học, ứng dụng đệm lót sinh học, kết hợp hầm ủ khí sinh học để giải quyết môi trường, trồng trọt và chăn nuôi theo hướng VietGAP... đây chính là

đòn bẩy giúp chăn nuôi ngành chăn nuôi trong tỉnh ổn định sản xuất, tăng trưởng trong những thời điểm khó khăn về dịch bệnh bùng phát và giá cả đầu ra chăn nuôi thấp.

Một trong những thành tựu nổi bật để lại nhiều dấu ấn của tỉnh là dự án ngọt hóa nằm trên địa bàn các huyện Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thị xã Gò Công của tỉnh Tiền Giang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đánh giá là một trong những dự án thủy lợi thành công nhất ở ĐBSCL là tiền đề thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi trong vùng thông qua việc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi mạnh mẽ theo hướng thâm canh hơn so với chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình trước đây. Chẳng hạn số lượng đàn bò của toàn vùng năm 2000 là 7.643 con, tăng lên 43.209 con

năm 2006. Ngoài 2 vật nuôi là heo và bò, các vật nuôi khác như gà vịt, trâu và dê cũng phát triển về số lượng một cách đáng kể. Sự thay đổi này đã góp phần đáng kể vào việc cải thiện bộ mặt ở nông thôn như làm tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống.

3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÁT TRIỂN

3.1 Cơ hội

- Vị trí địa lý của Tiền Giang khá thuận lợi cho phát triển chăn nuôi hàng hóa, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và gần thành phố Hồ Chí Minh, nơi được xem là thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lớn nhất Việt Nam.

- Chăn nuôi được xác định là ngành quan trọng và được ưu tiên phát triển. Bước đầu đã hình thành một số trại chăn nuôi tập trung (CNTT) quy mô lớn, là tiền đề quan trọng để phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh.

- Ý thức của người tiêu dùng và nhận thức của người chăn nuôi dần dần được nâng cao sau khi phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề từ dịch cúm gia cầm H5N1, dịch lở mồm long móng trên gia súc, tai xanh ở heo trên địa bàn tỉnh trong các năm vừa qua.

- Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành nhiều văn bản tổ chức lại ngành chăn nuôi là "hành lang pháp lý" để quy hoạch hệ thống sản xuất chăn nuôi.

- Việt nam đang chuẩn bị hội nhập sâu với thế giới về AFTA, TTP, do đó thị trường được mở rộng và sản phẩm chăn nuôi có cơ hội để xuất khẩu sang nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

3.2 Thách thức

- Sản xuất trong tình trạng tự phát, phân tán, quy mô nhỏ; chăn nuôi hàng hóa quy mô lớn, tập trung chưa phát triển. Chăn nuôi hộ gia đình chiếm 70 - 80%, trong đó có tới 50% nuôi phân tán, nhỏ lẻ trong nông hộ, gắn liền với đất ở, khu dân cư; chăn nuôi hàng hóa quy mô lớn, trang trại tập trung chiếm tỷ trọng rất thấp 10 - 15%, còn lại là chăn nuôi vừa và nhỏ chiếm từ 10 - 15%.

- Quá trình đô thị hóa và xây dựng các khu công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ làm cho quỹ đất nông nghiệp giảm, vùng chăn nuôi bị thu hẹp.

- Ảnh hưởng của xâm nhập mặn, thiếu nguồn nước mặt trong mùa khô, nguồn nước ngầm rất hạn chế, cũng là một khó khăn cho phát triển chăn nuôi hàng hóa, trang trại tập trung, nhất là các huyện phía tây.

- Số lượng lớn chất thải từ chăn nuôi và lò mổ gia súc, gia cầm chưa qua xử lý là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường cao; song nếu đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cần phải có vốn, từ đó làm tăng giá thành sản phẩm, nên giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

- Giá con giống, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y còn ở mức cao, chất lượng thức ăn chưa được kiểm soát triệt để. Chi phí thức ăn trong giá thành sản phẩm chăn nuôi (heo và gia cầm) chiếm 65-70% trong khi giá bán sản phẩm luôn biến động nên đã tác động bất lợi cho phát triển chăn nuôi.

- Công tác giống và quản lý giống vật nuôi theo pháp lệnh giống vật nuôi trong thực tế mới được quan tâm nhưng năng lực và phương thức quản lý chưa ổn định. Giống vật nuôi có chất lượng tốt hàng năm còn phải nhập giống mới thay thế.

- Áp lực từ một số bệnh truyền nhiễm trên gia súc, gia cầm vẫn còn là mối đe dọa tiềm ẩn như bệnh lở mồm long móng ở gia súc, tai xanh ở heo, dịch tả heo và cúm gia cầm H5N1...

- Công tác thú y vẫn còn hạn chế. Hệ thống mạng lưới thú y vẫn còn thiếu cả về nhân lực và vật lực, hoạt động của đội ngũ cán bộ thú y ở tuyến xã chưa đạt hiệu quả cao. Tại một số địa bàn, người chăn nuôi chưa có ý thức về công tác vệ sinh, phòng dịch cho gia súc, gia cầm; đồng thời, công tác kiểm tra, kiểm dịch chưa thực sự được triển khai rộng tại nông thôn.

- Cơ sở giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm công suất nhỏ, công nghệ thủ công và trình độ kiến thức của công nhân chưa cao. Chưa có

nhiều sản phẩm thịt, trứng gia cầm được chế biến công nghiệp. Tình trạng bày bán sản phẩm thịt tươi sống ở các chợ chưa được kiểm soát chặt chẽ về an toàn vệ sinh thực phẩm đang là mối nguy cơ lớn cho sức khỏe người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi vẫn còn gặp khó khăn. Mối quan hệ giữa người sản xuất, người giết mổ - chế biến và người tiêu thụ sản phẩm vật nuôi còn có khoảng cách, thiếu thông tin,... trong khi hệ thống thương mại, lưu thông phân phối sản phẩm chăn nuôi còn rất yếu, cộng với tình hình giá cả thị trường không ổn định đã làm ảnh hưởng đến thu nhập của người chăn nuôi và hạn chế đầu tư phát triển của ngành chăn nuôi.

- Hội nhập kinh tế khu vực (AFTA) và kinh tế thế giới (WTO) mang tính cạnh tranh cao, sản phẩm chăn nuôi rất khắt khe về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; trong khi đó, trình độ công nghệ và điểm xuất phát của nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Malaysia,... Nếu không hạ được giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi cũng như việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong những năm tới thì ngay cả thị trường nội địa cũng sẽ bị thu hẹp bởi sự lấn áp của sản phẩm thịt, trứng, sữa từ nước ngoài.

4. ĐỊNH HƯỚNG QUI HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRONG XU THẾ HỘI NHẬP SÂU VỚI THẾ GIỚI

Để ngành chăn nuôi phát triển bền vững và hội nhập sâu với thế giới, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Chương trình phát triển chăn nuôi cho phù hợp hơn với thực tế tương ứng với các giai đoạn phát triển đảm bảo sự tăng trưởng hội nhập, và phát triển bền vững. Trong chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2015 và định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2020, tỉnh đã ban hành các mục tiêu và nhiệm vụ và giải pháp dưới đây

4.1 Mục tiêu, phương hướng chung

- Xây dựng các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm theo VietGAP.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, cơ sở giết mổ.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa chăn nuôi và giết mổ để sản phẩm đầu ra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo vệ sinh thú y và phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm và bảo vệ môi trường.

4.2 Mục tiêu và phương hướng cụ thể

Phấn đấu đến năm 2015, nâng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi hàng hóa theo hướng trang trại tập trung và gia trại chiếm trên 30%, trong đó, đàn heo chiếm 35%, đàn bò thịt chiếm 15%, đàn gà nuôi bán công nghiệp và công nghiệp chiếm 50%. Cải tạo chất lượng đàn đực giống và áp dụng kỹ thuật mới để có sản lượng thịt hơi tăng bình quân giai đoạn 2010 - 2015 là 3,1%/năm. Nâng cao chất lượng đàn heo nạc hóa chiếm trên 96%, bò lai Zebu chiếm 35 - 40%, gia cầm giống mới có năng suất thịt, trứng cao chiếm 80 - 85%. Tốc độ tăng trưởng chăn nuôi từ 2011 - 2020 bình quân phải đạt 3.01%. Đến năm 2020 sản xuất chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung và gia trại: heo chiếm 70% tổng đàn, gia cầm chiếm 69 % tổng đàn và 61 % đối với đàn bò.

4.3 Nhiệm vụ

4.3.1 Phát triển chăn nuôi tập trung và các loại vật nuôi chủ yếu

Tỉnh đã quy hoạch phát triển các vùng chăn nuôi tập trung cho từng vùng sinh thái khác nhau (bảng 2). Nhìn chung các vùng chăn nuôi tập trung phải đảm bảo các yêu cầu về diện tích, nguồn cung cấp nước và cơ sở hạ tầng về giao thông. Về vật nuôi, hứ trọng phát triển 02 loại vật nuôi có lợi thế nhất heo và gà, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sản xuất lâu dài và ổn định với trình độ cao. Bên cạnh đó, thực hiện tái cơ cấu vật nuôi bằng việc tăng tỷ trọng đàn bò, cải thiện chất

lượng giống bò cái và phát triển chăn nuôi bò chất lượng cao.
theo hướng chuyên thịt, sữa từ tinh bò giống

Bảng 2. Quy hoạch chăn nuôi tập trung cho các vùng ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2020

Loại gia súc	Qui mô	Diện tích (ha)	Vùng phát triển chăn nuôi
Heo, gà	Lớn	200	Thạnh hòa – Tân Phước
Heo	Vừa	20 ha	Dưỡng Diễm – Châu Thành
		20 ha	Xuân Đông, Hòa Định, Bình Ninh – Chợ Gạo
		20 ha	Thạnh Nhựt, Bình Nhì – Gò Công Tây
		≥ 20 ha/xã	Phước Trung, Tân Đông, Tân Điền, Tân Thành, Kiểng Phước – Gò Công Đông
Gà	Vừa	≤ 20 ha/xã	Thạnh Phú, Phú Phong- Châu Thành
		≤ 20 ha/xã	Lương Hòa Lạc, Phú Kiết, Bình Phan-Chợ Gạo
		≥ 20 ha	Tân Hòa Thành – Tân Phước
Vịt	Vừa	≥ 20 ha	Bình Ninh, An Thạch Thủy – Chợ Gạo
		≤ 20 ha/xã	Thạch Nhựt, Long Vĩnh, Bình Phú-Gò Công Tây
	Chạy đồng	Vùng trồng lúa	Cai Lậy, Cái Bè
Bò	Vừa		Tân Lý Đông, Tân Hội Đông – Châu Thành Tân Thuận Bình, Đăng Hưng Phước, Thanh Bình, Mỹ Tịnh An – Chợ Gạo Bình Nhì, Long Bình – Gò Công Tây Phú Thạnh, Phú Đông – Tân Phú Đông

4.3.2 Quy hoạch và xây mới các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

Nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng sản phẩm sạch cho người tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm theo hướng bền vững và hướng đến xuất khẩu hàng hóa, tỉnh đã phê duyệt quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung đến năm 2020. Định hướng chung của quy hoạch là thông qua lộ trình 2 giai đoạn (bảng 2), từng bước giải tỏa, nâng cấp, di dời các cơ sở giết mổ lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như xây mới các cơ sở giết mổ.

Bảng 3. Quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020

Qui mô và địa bàn phân bố	Giai đoạn 1: 2011 - 2015	Giai đoạn 2: 2016 - 2020
1. Qui mô	36 cơ sở giết mổ	23 cơ sở giết mổ:
2. Công suất/ngày	✓ 150 – 200 con trâu bò	✓ 200 – 260 con trâu bò
	✓ 1.100 – 1.400 con heo	✓ 1.600 – 2100 con heo
3. Phân bố cơ sở/huyện:	✓ 3500 - 5000 gà, vịt	✓ 6000 - 8000 gà, vịt
- Cái Bè	3	3
- Cai Lậy	4	4
- TX Cai Lậy	2	1
- Tân Phước	1	1
- Châu Thành	4	3
- Tp. Mỹ Tho	5	0
- Chợ Gạo	7	6
- Gò Công Tây	4	1

- Gò Công Đông	3	3
- Thị Xã Gò Công	2	2
- Tân Phú Đông	1	1

5. GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Mặt dù mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển chăn nuôi đã được lãnh đạo tỉnh và các ngành có liên quan thông qua, tuy nhiên trước yêu cầu phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chăn nuôi và chủ động hội nhập khu vực ASEAN và TPP, thiết nghĩ lãnh đạo và các cấp các ngành của tỉnh cần tập trung giải quyết một số vấn đề có tính cấp bách sau đây.

-Một là ưu tiên vấn đề nâng cao chất lượng con giống và tăng cường quản lý các loại giống đang lưu hành. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng đàn giống từ các cơ sở chăn nuôi trong tỉnh, đặc biệt là áp dụng chọn giống theo di truyền số lượng kết hợp công nghệ gen để có được đàn giống chất lượng cung cấp cho người chăn nuôi địa phương và hướng tới cung ứng cho các vùng lân cận, tránh quá lệ thuộc nguồn giống từ các công ty nước ngoài. Ngoài ra cũng cần nhập có chọn lọc các loại giống tiên tiến trên thế giới để lai tạo ra bộ giống tốt, nhằm từng bước giúp sản phẩm chăn nuôi có sức cạnh tranh tốt hơn cả về năng suất và chất lượng sản phẩm theo hướng ổn định lâu dài.

-Hai là quy hoạch vùng sản xuất thức ăn chăn nuôi, đảm bảo chủ động một số nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ, cải thiện phương thức quản lý, máy móc thiết bị, công nghệ chế biến sản phẩm để nâng cao năng suất và chất lượng thức ăn, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Đặc biệt chú trọng phát triển nguồn thức ăn thô xanh cho gia súc nhai lại (bò, dê) phù hợp với điều kiện của từng địa phương, chú trọng nghiên cứu

các giải pháp công nghệ phát triển các giống cỏ năng xuất cao phù hợp với thổ nhưỡng địa phương và tận dụng hiệu quả nguồn phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến cho chăn nuôi.

-Ba là xúc tiến nhanh việc hình thành mô hình sản xuất chăn nuôi gắn với giết mổ, chế biến và thị trường để ổn định đầu ra cho người sản xuất, đồng thời nâng cao chuỗi giá trị trong sản xuất chăn nuôi. Cần sớm xây dựng quy chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm thịt từ khâu giống – chăn nuôi – giết mổ – tiêu thụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở giết mổ tập trung và kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật, giao đất vĩnh viễn hoặc có thời hạn dài để chủ đầu tư yên tâm đầu tư phát triển cơ sở giết mổ tập trung và công nghiệp.

-Bốn là giám sát chặt chẽ và tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, gắn trách nhiệm cho đội ngũ làm công tác thú y tại địa phương. Đồng thời, tăng cường kiểm tra thường xuyên các đại lý cung ứng thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, giám sát chất lượng thức ăn gia súc, đặc biệt là hàm lượng chất kháng sinh, chất cấm được bổ sung trong thành phần thức ăn. Đây mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường cho người tham gia chăn nuôi.

-Năm là đầu tư tài chính và có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, huy động sức mạnh của cả đội ngũ các nhà khoa học trong cũng như ngoài tỉnh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển chăn nuôi, góp phần tạo ra nhưng sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao mang thương hiệu của tỉnh.

-Sáu là đào tạo và chuẩn bị đủ đội ngũ cán bộ có chuyên môn và tay nghề cao đáp ứng yêu cầu làm việc trong các khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, cũng như cán bộ làm

việc trong các lĩnh vực liên quan đến chăn nuôi, kiểm soát dịch bệnh, giết mổ và chế biến...

6. KẾT LUẬN

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, nhiều cơ hội sẽ mở ra cho ngành chăn nuôi tiền Giang và cũng không ít thách thức phải đối mặt. Tuy nhiên, với vị thế địa lý thuận lợi cùng với sự lãnh đạo đúng hướng của đảng bộ tỉnh cũng như sự đồng lòng của các cấp lãnh đạo chính quyền, các ban ngành và người dân, chắc chắn ngành chăn nuôi Tiền Giang trong những năm tới sẽ đạt được nhiều thành công hơn nữa góp phần quan trọng trong việc tăng thu nhập, cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, tạo tiền đề vững chắc để ổn định lương thực và phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh. Qua đó cũng góp phần vào sự thành công trong thực hiện chính sách "Tam nông: nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tiền Giang trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2004. Hội nghị tổng kết dự án Ngọt hóa Gò

Công do Bộ NN&PTNT phối hợp UBND tỉnh Tiền Giang tổ chức.

[2]. Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y năm 2015 (AVS 2015) và Hội chợ triển lãm thành tựu ngành Chăn nuôi – Thú y lần thứ II.

[3]. Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

[4]. Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

[5]. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang, 2015. "Chăn nuôi Tiền Giang – Định hướng phát triển đến năm 2020".

[6]. Thống kê kết quả sản xuất chăn nuôi cả nước năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

- **Người phản biện:** ThS. Phạm Văn Nghi (Sở NN&PTNT); ThS. Phan Văn Đầy

- **Ngày duyệt đăng:** 20/10/2015